TÒA ÁN NHAN DÂN **HUYỆN MY** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HS-ST
Ngày: 06/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MY, TỈNH GIA LAI
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Đại Dương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Tuấn và ông Phạm Như Quỳnh.
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Quang Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện MY, tỉnh Gia Lai.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MY, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Kiểm sát viên Ông Võ Đăng Khoa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện MY, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2023/HSST, ngày 11 tháng 8 năm 2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXX-HSST đối với các bị cáo:

1. **Lê Trọng L** (Tên gọi khác: Không) ,
Sinh ngày 27/7/1977 tại thành phố Hải phòng
Nơi đăng ký HKTT và trú tại: Thôn TB, thị trấn ChS, huyện ChS, tỉnh Gia Lai

Nghề nghiệp: Làm nông; Học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; G tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Trọng Lưu – Sinh năm: 1946 và bà Phạm Thị Đươm - Sinh năm: 1950. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ 01 trong gia đình. Bị cáo có vợ là Rơ Lan HĐím – Sinh năm: 1980 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2002, hiện trú tại: Thôn TB, thị trấn ChS, huyện ChS, tỉnh Gia Lai.

Tiền án: 01 tiền án về tội: *"Mua bán trái phép chất ma túy"* quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999. Bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 08 năm 06 tháng tù tại bản án số: 74/2014/HS - ST ngày 24/9/2014.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện MY, tỉnh Gia Lai bắt tạm giam từ ngày 12/01/2023 cho đến nay (Có mặt).

2. **Lê Ngọc T** (Tên gọi khác: Không) ,
Sinh ngày 23/5/1988 tại tỉnh Thái Bình
Nơi đăng ký HKTT và trú tại: Thôn ĐK, xã IP, huyện ChS, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông; Học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; G tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Anh Phan (Đã chết) và bà Lê Thị Oánh - Sinh năm: 1961. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình. Bị cáo có vợ là Phan Thị Mỹ Hạnh - Sinh năm: 1996 và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2018, hiện trú tại: Thôn ĐK, xã IP, huyện ChS, tỉnh Gia Lai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện MY, tỉnh Gia Lai bắt tạm giam từ ngày 04/10/2022 cho đến nay (Có mặt).

3. **Hà Văn G** (Tên gọi khác: Không) ,

Sinh ngày 17/12/1990 tại tỉnh Thanh Hóa

Nơi đăng ký HKTT và trú tại: Làng T, xã KCh, huyện MY, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông; Học vấn: 02/12; Dân tộc: Thái; G tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn Mậu – Sinh năm: 1962 và bà Lương Thị Tim - Sinh năm: 1961. Gia đình có 05 anh em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình. Bị cáo có vợ là Lương Thị Duân - Sinh năm: 1993 và có 04 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2020, hiện trú tại: Làng T, xã KCh, huyện MY, tỉnh Gia Lai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện MY, tỉnh Gia Lai bắt tạm giam từ ngày 20/9/2022 cho đến nay (Có mặt).

- Người bào chữa cho các bị cáo Hà Văn G: Ông Nguyễn Đình Cường – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai (Có mặt).

- Bị hại: Cộng đồng Làng ĐT, xã KCh, huyện MY, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Làng ĐT, xã KCh, huyện MY, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bởi – Trưởng Ban quản lý, bảo vệ rừng Cộng đồng Làng ĐT, xã KCh, huyện MY, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. **Ngô Văn C** - Sinh năm: 1978

Trú tại: Thôn KP, xã ChAth, huyện PhTh, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

2. **Lương Thị D** - Sinh năm: 1993

Trú tại: Làng T, xã KCh, huyện MY, tỉnh Gia Lai (Có mặt).

3. **Lê Thị O** - Sinh năm: 1961

Trú tại: Thôn ThM 3, thị trấn ChS, huyện ChS, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/01/2022 tổ công tác bảo vệ rừng làng ĐT, xã KCh, huyện MY đi tuần tra rừng phát hiện tại tiểu khu 574 thuộc rừng do Cộng đồng làng ĐT, xã KCh quản lý (là loại rừng sản xuất có đặc điểm rừng tự nhiên) vụ khai thác gỗ trái pháp luật. Cùng ngày ban quản lý rừng Cộng đồng làng ĐT báo cáo Ủy ban nhân dân xã KCh phối hợp cùng kiểm tra hiện trường phát hiện 01 xe công nông độ chế, 02 cưa xăng, 01 máy tời, 08 lóng gỗ khối lượng 5,944m^3, 14 hộp gỗ khối lượng 4,418m^3 và 20 cây gỗ bị khai thác trái pháp luật nằm rải rác tại lô 3, 8, khoảnh 3, tiểu khu 574 lâm phần do Cộng đồng làng ĐT, xã KCh quản lý. Ngày 10/02/2022 Ủy ban nhân dân xã KCh báo cáo Cơ quan chức năng để tiến hành giải quyết vụ việc theo thẩm quyền.

Ngày 25/02/2022 Hạt kiểm lâm huyện MY phối hợp cùng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện, Viện kiểm sát nhân dân huyện, Uỷ ban nhân dân xã KCh tiến hành khám nghiệm hiện trường phát hiện 22 cây gỗ bị khai thác trái pháp phép nằm rải rác tại lô 3, 8, khoảnh 3, tiểu khu 574 rừng do Cộng đồng làng ĐT, xã KCh quản lý. Tổng khối lượng gỗ lớn, gỗ nhỏ: 24,714m^3, Gỗ tận dụng cành ngọn: 4,096 m^3, Củi: 3,45 Ster. Số cây bị cưa có đường kính gốc từ 25cm đến 90cm, chủng loại gồm: Trâm tía, Giẻ trắng, Sp7, gỗ thuộc nhóm 5 đến nhóm 7.

Quá trình điều tra xác định: Các bị cáo Lê Trọng L, Lê Ngọc T cùng Hà Văn G đã thực hiện khai thác 11 cây gỗ tại lô 3,8 khoảnh 3, tiểu khu 574 lâm phần do Cộng đồng làng ĐT quản lý gây thiệt hại gỗ lớn, gỗ nhỏ: 14,056m^3, gỗ tận dụng cành ngọn: 2,319m^3 và Củi: 1,960 Ster. Còn lại 11 cây gỗ khối lượng gỗ lớn, gỗ nhỏ: 10,658m^3, gỗ tận dụng cành ngọn: 1,777m^3, Củi: 1,490 Ster chưa xác định được đối tượng khai thác. Tại Cơ quan điều tra Lê Trọng L, Lê Ngọc T và Hà Văn G khai nhận: Vào giữa tháng 12/2021 Lê Trọng L đến nhà Hà Văn G tại làng G, xã KCh, huyện MY mua đá quý thì gặp Hà Văn G. Tại đây, Lê Trọng L làm quen Hà Văn G và lưu số điện thoại của nhau. Mấy hôm sau Lê Trọng L điện thoại cho G hỏi "*Ở bên này có chỗ nào làm gỗ không?*" thì G trả lời "*Có một chỗ*", nghe vậy L nói "*Hôm nào rảnh anh qua, bàn việc nếu được thì anh em cùng làm*" thì G trả lời "*Từ từ mấy hôm nữa, để em làm cỏ mỳ nốt*". Khoảng 01 tuần sau Lê Trọng L qua xã KCh, huyện MY gặp Hà Văn G để nhờ G tìm nơi khai thác gỗ thì G đồng ý, L đồng ý trả tiền công cho G 300.000 đồng/1 ngày. Sau đó Hà Văn G dẫn Lê Trọng L đi đến khu rừng do Cộng đồng làng ĐT quản lý để xem cây gỗ rồi cả hai đi về nhà. Cùng thời gian đó Lê Ngọc T đi mua trụ tiêu tại địa bàn xã KCh, huyện MY thì gặp Lê Trọng L, do quen biết nhau từ trước nên T hỏi "*Anh qua đây làm gì?*" thì L trả lời "*Anh qua đây làm gỗ*", T hỏi tiếp "*Cho em xin làm với*", L trả lời "*Có gì anh sắp xếp*". Mấy ngày sau Lê Trọng L rủ Lê Ngọc T qua xã KCh, huyện MY khai thác gỗ trái phép thì T đồng ý, Lê Trọng L hứa hẹn khi bán được gỗ khai thác sẽ cho T tiền công. Cuối tháng 12/2021 Lê Trọng L điện thoại cho Hà Văn G nói: "*Ở nhà, chuẩn bị anh qua rồi đi khai thác gỗ*". Sau đó Lê Trọng L chuẩn bị

01 máy cưa xăng, 01 xe mô tô độ chế rủ Lê Ngọc T chuẩn bị đồ ăn, xoong nồi rồi cùng nhau đi đến nhà Hà Văn G. Sau đó, Hà Văn G điều khiển xe mô tô độ chế của G chở Lê Trọng L mang 01 máy cưa xăng của L và 01 máy cưa xăng của G, còn Lê Ngọc T điều khiển xe mô tô độ chế của L mang theo đồ ăn, xoong nồi cùng nhau đi đến lô 3, 8, khoảnh 3, tiểu khu 574 rừng do Cộng đồng làng ĐT, xã KCh quản lý để khai thác gỗ trái phép. Sau khi cưa hạ cây gỗ thì L, T cắt dọn cành cho G sử dụng cưa xăng xẻ theo quy cách rộng từ 25cm đến 35cm, dài từ 3m đến 5m. Một số cây được bổ xẻ thành hình trụ đường kính 25cm đến 30cm dài 5m. Trong khoảng thời gian 16 ngày thì Lê Trọng L, Lê Ngọc T và Hà Văn G cưa hạ được 11 cây gỗ với khối lượng thiệt hại gỗ lớn, gỗ nhỏ: 14,056m^3, gỗ tận dụng cành ngọn: 2,319m^3 và Củi: 1,960 Ster. Khi khai thác gỗ được khoảng 3m^3 thì L về huyện Phú Thiện thuê đối tượng Ma Th và hai người đồng bào dân tộc Jrai (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) sử dụng xe công nông độ chế và máy tời của L vận chuyển gỗ khai thác được về địa điểm gần làng T, xã KCh. Đồng thời L thuê xe ô tô tải (chưa xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng và biển kiểm soát của xe ô tô tải) để Lê Ngọc T đi theo canh đường vận chuyển gỗ về nhà thuê của L tại Đồi 4, xã Ch A Th, huyện Ph Th cất dấu rồi L bán gỗ cho đối tượng T (chưa xác định được nhân thân, lai lịch). Vài ngày sau Lê Trọng L, Lê Ngọc T và Hà Văn G tiếp tục đi đến lô 3, 8, khoảnh 3, tiểu khu 574 rừng do Cộng đồng làng ĐT, xã KCh quản lý khai thác gỗ, khi G khai thác cây thứ 11 thì nhận được tin chú mất nên G nghỉ nên L trả tiền công 3.000.000 đồng, hiện G đã tiêu xài hết. Sau đó L tiếp tục thuê những người Jarai trước đó vận chuyển gỗ về địa điểm gần làng T, xã KCh cất dấu. Sau đó, T thuê xe ô tô tải biển kiểm soát 81C-065.76 của Ngô Văn C (Sinh năm: 1978) trú tại xã KP, huyện PTh, tỉnh Gia Lai) để T điều khiển chở gỗ về nhà của L. Đến khoảng 06 giờ ngày 16/01/2022 khi T đang điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 81C - 065.76 vận chuyển chở 2,485m^3 gỗ đến ngã 3, làng Đ, xã KCh, huyện MY thì bị Hạt Kiểm lâm huyện MY tạm giữ xe ô tô biển kiểm soát 81C - 065.76 cùng 2,485 m^3 gỗ. Ngày 26/01/2022 Hạt Kiểm lâm huyện MY ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 03 ngày 26/01/2022 đối với Lê Ngọc T số tiền 17.500.000 đồng về hành vi vận chuyển lâm sản trái phép và trả xe ô tô biển kiểm soát 81C - 065.76 cho Lê Ngọc T để T trả cho Ngô Văn C. Ngày 06/10/2022 Hạt kiểm lâm huyện MY ra Quyết định số 01 ngày 06/10/2022 về việc hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Ngày 30/11/2022 Hạt kiểm lâm huyện MY chuyển hồ sơ cùng 2,485m^3 gỗ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện MY để xử lý vụ việc theo quy định.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 12/KL-ĐGTS ngày 28/4/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện MY kết luận: 22 cây bị khai thác trái pháp luật tại lô tại lô 3, 8, khoảnh 3, Tiểu khu 574 rừng

thuộc Cộng đồng làng ĐT, xã KCh quản lý, gồm: Gỗ lớn, gỗ nhỏ; Gỗ tận dụng cành ngọn; Củi có giá trị là 97.006.690 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 42/KL-ĐGTS ngày 28/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện MY kết luận: 11 cây bị khai thác trái pháp luật tại lô tại lô 3, 8, khoảnh 3, Tiểu khu 574 rừng thuộc Cộng đồng làng ĐêTar, xã Kon Chiêng quản lý, gồm: Gỗ lớn, gỗ nhỏ; Gỗ tận dụng cành ngọn; Củi có giá trị là 58.141.815 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 22/KL-ĐGTS ngày 26/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện MY kết luận: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định số: 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2021 của chính phủ. Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện MY từ chối giám định thiệt hại môi trường rừng (giá trị phải bồi thường) theo quyết định trưng cầu số: 123/YC-CSĐT ngày 14/11/2022 và Văn bản số: 408/ĐCSHS ngày 24/7/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện MY.

Tại bản Cáo trạng số 33/CT/VKS, ngày 10 tháng 8 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện MY, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Lê Trọng L, Lê Ngọc T, Hà Văn G về tội "*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* theo điểm b khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MY đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Lê Trọng L, Lê Ngọc T, Hà Văn G phạm tội *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Trọng L từ 24 đến 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 16/01/2023).

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 323 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 15.000.000 đồng.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; Điều 38; Điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc T từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 04/10/2022).

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 323 của Bộ luật hình sự đề nghị Hội đồng xét xử phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền 10.000.000 đồng.

Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; Điều 38; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hà Văn G từ 12 đến 18 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 20/9/2022).

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung do gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước:

- 06 lóng gỗ có khối lượng 5,171 m^3 và 2,485m^3 gỗ do các bị cáo Lê Trọng L, Lê Ngọc T và Hà Văn G khai thác trái phép.

- 01 (một) xe công nông độ chế, không có số khung, số máy (không kiểm tra tình trạng bên trong); 01(một) xe mô tô không giấy tờ xe, không biển kiểm soát, không có số khung, số máy đã qua sử dụng (không kiểm tra tình trạng bên trong); 01 (một) máy tời độ chế (không kiểm tra tình trạng) và 01 (một) cưa xăng của bị cáo Lê Trọng L.

- 01 (một) xe mô tô không giấy tờ xe, không biển kiểm soát, không có số khung, số máy đã qua sử dụng (không kiểm tra tình trạng bên trong); 01 (một) cưa xăng; 01 (một) điện thoại di động màu đen có bàn phím, phía trước có ghi chữ Nokia đã qua sử dụng (không kiểm tra tình trạng bên trong) của bị cáo Hà Văn G.

- 01(một) điện thoại di động màu vàng có ghi chữ: LVMobile, Model: LV68, Color. IMEI: 842016068002888. Made in China, Designed by LV Moble (đã qua sử dụng), màn hình bị bể (vỡ) (không kiểm tra tình trạng bên trong) của bị cáo Lê Ngọc T.

Đề nghị truy thu số tiền 12.000.000 đồng bị cáo Lê Trọng L và số tiền 3.000.000 bị cáo Hà Văn G do phạm tội mà có để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo Lê Trọng L, Lê Ngọc T, Hà Văn G đều thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời nói sau cùng các bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, gia đình có hoàn cảnh khó khăn và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn G cũng thống nhất hành vi *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự mà viện kiểm sát đã truy tố. Nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đặc điểm nhân thân của bị cáo Hà Văn G là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế, có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, là lao động chính trong gia đình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình để có điều kiện phụ giúp gia đình và như vậy cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

Bị hại là Cộng đồng Làng ĐT, xã KCh, huyện MY, tỉnh Gia Lai yêu cầu các bị cáo Lê Trọng L, Lê Ngọc T, Hà Văn G trồng lại cây rừng đối với khu vực các bị cáo đã khai thác và bồi thường thiệt hại 58.141.815 đồng. Ngày 02/12/2022 bà Lê Thị Oánh (mẹ ruột bị cáo Lê Ngọc T) bồi thường số tiền 3.000.000 đồng và bà Lương Thị D bồi thường số tiền 1.000.000 đồng để Cộng đồng làng ĐT trồng lại cây rừng.

Các bị cáo Lê Trọng L, Lê Ngọc T, Hà Văn G thống nhất liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 58.141.815 đồng theo yêu cầu của người bị hại

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Điều tra viên Công an huyện MY, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện MY, tỉnh Gia Lai trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo; bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng nêu. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, vì vậy có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian 16 ngày từ cuối tháng 12/2021 đến giữa tháng 01/2022 L dụng sơ hở trong công tác quản lý, bảo vệ rừng tại tiểu khu 574 thuộc rừng do Cộng đồng làng ĐêTar, xã Kon Chiêng quản lý (loại rừng sản xuất là rừng tự nhiên). Các bị cáo Lê Trọng L, Lê Ngọc T và Hà Văn G đã thực hiện hành vi khai thác gỗ tại lô 3, 8, khoảnh 3, tiểu khu 574 nhằm mục đích bán gỗ lấy tiền tiêu xài cá nhân. Các bị cáo Lê Trọng L, Lê Ngọc T và Hà Văn G cưa hạ được 11 cây gỗ với khối lượng thiệt hại gỗ lớn, gỗ nhỏ: 14,056m^3, Gỗ tận dụng cành ngọn: 2,319 m^3, Củi: 1,960 Ster bị thiệt hại số tiền 58.141.815 đồng. Tang vật thu giữ gồm: 06 lóng gỗ có khối lượng 5,171 m^3 và 2,485m^3 gỗ. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện MY, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo Lê Trọng L, Lê Ngọc T và Hà Văn G về tội *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"* theo điểm b khoản 1 Điều 232 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến công tác quản lý và bảo vệ rừng của Cơ quan Nhà nước, Tổ chức xã hội. Đồng thời ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, có đủ năng lực hành vi, nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích muốn có tiền tiêu xài cá nhân các bị cáo đã khai thác gỗ trái phép. Cho nên, cần phải xử phạt các bị cáo bằng hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, có nhiều bị cáo cùng tham gia thực hiện tội phạm, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc cấu kết chặt chẽ với nhau để

thực hiện tội phạm. Để có mức hình phạt tương xứng với hành vi của mỗi bị cáo thì cần phân tích vai trò của từng bị cáo trong vụ án như sau:

Bị cáo Lê Trọng L là người chủ mưu, khởi xướng, chuẩn bị cưa xăng, xe mô tô độ chế, Xoong nồi, thuê Hà Văn G và một số người khác và là người trực tiếp cưa hạ 11 cây rừng, gây thiệt hại 14,056m^3 gỗ. Do đó, bị cáo Lê Trọng L phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

Bị cáo Lê Ngọc T là người được bị cáo Lê Trọng L rủ rê, cùng thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Hà Văn G khi được Lê Trọng L thuê đã cùng L và T khai thác gỗ với vai trò là người thực hành tích cực nên phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội đã gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Ngày 07/10/2014 Lê Trọng L bị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xử phạt 08 năm 06 tháng tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Ngọc T có nhân thân xấu, trước đây đã 02 lần phạm tội *"Tàng trữ trái phép vũ khi quân dụng"* và 01 lần phạm tội "Đánh bạc" nhưng bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích. Bị cáo Hà Văn G không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại, là lao động chính trong gia đình hoàn cảnh gia đình khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương), đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Hà Văn G không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người dân tộc thiểu số, nhận thức pháp luật hạn chế, nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ và áp dụng chính sách pháp luật đối với người dân tộc thiểu số được quy định tại điểm s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, áp dụng cụ thể cho từng bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo thấy được lượng khoan hồng của Nhà nước mà tích cực sửa đổi, sớm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Về hình phạt: Các bị cáo đã vi phạm pháp luật hình sự nên phải chịu hình phạt theo quy định. Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát áp dụng hình phạt từ 24 đến 30 tháng tù đối với bị cáo Lê Trọng L, từ 18 đến 24 tháng tù đối với bị cáo Lê Ngọc T và từ 12 đến 18 tháng tù đối với bị cáo Hà Văn G là cao và chưa phù hợp, cần áp dụng hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để các bị cáo sớm có điều kiện về phụ giúp gia đình cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự khoan

hồng của pháp luật.

[8] Đối với các đối tượng Ma Th, 02 người đồng bào dân tộc Jrai, đối tượng mua gỗ tên T và đối tượng cho bị cáo Lê Trọng L thuê xe ô tô tải chở gỗ: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện MY đã T hành xác minh nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Do đó, cơ quan CSĐT Công an huyện MY tách hành vi của các đối tượng nêu trên tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau.

Đối với Ngô Văn C: Quá trình điều tra xác định xe ô tô mang Biển kiểm soát: 81C - 065.76 của Ngô Văn Công cho bị cáo Lê Ngọc T thuê với mục đích chở phân bò không sử dụng vào mục đích chở gỗ. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện MY không tiến hành xử lý đối với Ngô Văn C là có căn cứ.

Đối với trách nhiệm của chủ rừng là Cộng đồng Làng ĐT, xã KCh, huyện MY, tỉnh Gia Lai: Trong quá trình quản lý, bảo vệ rừng thuộc tiểu khu 574 Cộng đồng Làng ĐT đã để các đối tượng khai thác trái phép 11 cây gỗ với khối lượng thiệt hại gỗ lớn, gỗ nhỏ: 14,056m^3, Gỗ tận dụng cành ngọn: 2,319 m^3, Củi: 1,960 Ster bị thiệt hại số tiền 58.141.815 đồng là có dấu hiệu của tội *"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"* quy định tại Điều 306 của Bộ luật hình sự, nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện MY chưa xử lý nên Hội đồng xét xử không đủ cơ sở để xem xét. Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan Công an tỉnh Gia Lai xem xét đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện MY tiếp tục điều tra, làm rõ hành vi *"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"* của Cộng đồng Làng ĐT, xã KCh, huyện MY, tỉnh Gia Lai.

[9] Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước:

- 06 lóng gỗ có khối lượng 5,171 m^3 và 2,485m^3 gỗ do các bị cáo Lê Trọng L, Lê Ngọc T và Hà Văn G khai thác trái phép.

- 01 (một) xe công nông độ chế, không có số khung, số máy (không kiểm tra tình trạng bên trong); 01(một) xe mô tô không giấy tờ xe, không biển kiểm soát, không có số khung, số máy đã qua sử dụng (không kiểm tra tình trạng bên trong); 01 (một) máy tời độ chế (không kiểm tra tình trạng) và 01 (một) cưa xăng của bị cáo Lê Trọng L.

- 01 (một) xe mô tô không giấy tờ xe, không biển kiểm soát, không có số khung, số máy đã qua sử dụng (không kiểm tra tình trạng bên trong); 01 (một) cưa xăng; 01 (một) điện thoại di động màu đen có bàn phím, phía trước có ghi chữ Nokia đã qua sử dụng (không kiểm tra tình trạng bên trong) của bị cáo Hà Văn G.

- 01(một) điện thoại di động màu vàng có ghi chữ: LVMobile, Model: LV68, Color. IMEI: 842016068002888. Made in China, Designed by LV Moble

(đã qua sử dụng), màn hình bị bể (vỡ) (không kiểm tra tình trạng bên trong) của bị cáo Lê Ngọc T.

Buộc bị cáo Lê Trọng L phải nộp lại số tiền 12.000.000 đồng và bị cáo Hà Văn G phải nộp lại số tiền 3.000.000 đồng thu L bất chính do phạm tội mà có để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với vật chứng thu giữ chưa xác định được đối tượng khai thác, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện MY chuyển cho Hạt kiểm lâm huyện MY quản lý, bảo quản là đúng quy định của pháp luật.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là Cộng đồng Làng Đê Tar, xã Kon Chiêng, huyện MY, tỉnh Gia Lai yêu cầu các bị cáo phải bồi thường về dân sự theo Kết luận định giá tài sản số tiền 58.141.815 đồng là có căn cứ, các bị cáo cũng thỏa thuận bồi thường cho người bị hại số tiền thiệt hại trên nên cần được công nhận.

Đối với thiệt hại về môi trường: Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện MY đã yêu cầu Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện MY định giá thiệt hại về môi trường, nhưng Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện MY từ chối định giá nên Hội đồng xét xử không có kết quả định giá để xem xét.

[11] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo cáo Hà Văn G là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh gia đình là hộ nghèo sống trong vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đối với bị cáo Hà Văn G là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh gia đình là hộ nghèo sống trong vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được xét miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Lê Trọng L, Lê Ngọc T và Hà Văn G phạm tội *"Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản"*.

+ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Trọng L

Xử phạt bị cáo Lê Trọng L 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (12/01/2023).

+ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; Điều 38; Điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Ngọc T

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc T 14 (Mười bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (04/10/2022).

+ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 232; Điều 38; Điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hà Văn G

Xử phạt bị cáo Hà Văn G 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (20/9/2022).

[2] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định, có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo cáo Hà Văn G là người dân tộc thiểu số, hoàn cảnh gia đình là hộ nghèo sống trong vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 4 Điều 232 của Bộ luật hình sự.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 587 và 589 Bộ luật Dân sự:

Công nhận thỏa thuận các bị cáo Lê Trọng L, Lê Ngọc T, Hà Văn G phải liên đới bồi thường cho Cộng đồng Làng ĐT, xã KCh, huyện MY, tỉnh Gia Lai số tiền 58.141.815 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường 19.380.605 đồng *(Mười chín triệu, ba trăm tám mươi nghìn, sáu trăm linh năm đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước:

- 06 lóng gỗ có khối lượng 5,171 m^3 và 2,485m^3 gỗ do các bị cáo Lê Trọng L, Lê Ngọc T và Hà Văn G khai thác trái phép.

- 01 (một) xe công nông độ chế, không có số khung, số máy (không kiểm tra tình trạng bên trong); 01(một) xe mô tô không giấy tờ xe, không biển kiểm soát, không có số khung, số máy đã qua sử dụng (không kiểm tra tình trạng bên trong); 01 (một) máy tời độ chế (không kiểm tra tình trạng) và 01 (một) cưa xăng của bị cáo Lê Trọng L.

- 01 (một) xe mô tô không giấy tờ xe, không biển kiểm soát, không có số khung, số máy đã qua sử dụng (không kiểm tra tình trạng bên trong); 01 (một) cưa xăng; 01 (một) điện thoại di động màu đen có bàn phím, phía trước có ghi chữ Nokia đã qua sử dụng (không kiểm tra tình trạng bên trong) của bị cáo Hà Văn G.

- 01(một) điện thoại di động màu vàng có ghi chữ: LVMobile, Model: LV68, Color. IMEI: 842016068002888. Made in China, Designed by LV Moble

(đã qua sử dụng), màn hình bị bể (vỡ) (không kiểm tra tình trạng bên trong) của bị cáo Lê Ngọc T.

(Đặc điểm theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 13/01/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện MY và Chi cục Thi hành án dân sự huyện MY và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 30/11/2022 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện MY với hạt kiểm lâm huyện MY).

Biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Lê Trọng L phải nộp lại số tiền 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng)* và bị cáo Hà Văn G phải nộp lại số tiền 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)* thu L bất chính do phạm tội mà có để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án:

Buộc các bị cáo Lê Trọng L, Lê Ngọc T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Hà Văn G.

[6] Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (06/9/2023) các bị cáo, bị hại, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Đối với những người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Đại Dương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai
- VKSND huyện MY
- Công an huyện MY
- Công an tỉnh Gia LaI
- Bị cáo
- Người tham gia tố tụng
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai
- Lưu hồ sơ vụ án
- Thi hành án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**